TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **13**/2022/HS-ST
Ngày: 22-4-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Út Lệ

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Chu Văn Sín

2. Ông Hoàng Ngọc Hùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Sinh Hà - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Nông Văn Thượng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 08/2022/TLST-HS ngày 15 tháng 3 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2022/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 4 năm 2022 đối với bị cáo:

Nông Văn D (Tên gọi khác: Không có), sinh ngày 10 tháng 11 năm 1972 tại huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Nơi ĐKHKTT: Tiểu khu M, thị trấn N, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nông Văn K, sinh năm 1944 và bà Lý Thị G, sinh năm 1950; Bị cáo có vợ là Hoàng Thị H, sinh năm 1977 và 02 con, con lớn sinh năm 2002, con nhỏ sinh năm 2005.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 15/12/2021 đến ngày 22/12/2021 được hủy bỏ biện pháp ngăn chặn tạm giữ và áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đến ngày 17/3/2022. Hiện đang tại ngoại tại nơi cư trú. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Sầm Đức T - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

- *Người chứng kiến:*

+ Ông Trương Văn K, sinh năm 1973 - Nơi cư trú: Tiểu khu M, thị trấn N, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt không có lý do.

+ Ông Vi Hải D, sinh năm 1957 - Nơi cư trú: Tiểu khu M, thị trấn N, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 12 giờ 30 phút ngày 15/12/2021 tại Tiểu khu M, thị trấn N, huyện N, tỉnh Bắc Kạn, tổ công tác Công an huyện N phát hiện và lập biên bản đối với Nông Văn D, sinh năm 1972, trú tại Tiểu khu M, thị trấn N, huyện N, tỉnh Bắc Kạn đang có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Tang vật thu giữ: 01 (một) gói nhỏ chất bột màu trắng được gói bằng một lớp giấy mặt ngoài màu vàng, mặt trong màu trắng tại mặt đất cách vị trí D đứng 0,65 mét. Tổ công tác tiến hành niêm phong trong phong bì ký hiệu M1; 01 (một) điện thoại di động và 01 (một) ví làm bằng vải có họa tiết hoa văn bên trong chứa số tiền 385.000 đồng và 01 (một) căn cước công dân mang tên Nông Văn D.

Hồi 10 giờ 30 phút ngày 16/12/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N tiến hành khám xét khẩn cấp người, chỗ ở, đồ vật và công trình liên quan đối với Nông Văn D tại Tiểu khu M, thị trấn N, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Kết quả không thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài liệu gì.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã tiến hành mở niêm phong cân xác định khối lượng và thử phản ứng phát hiện chất ma túy đối với gói ma túy thu giữ khi bắt quả tang Nông Văn D, sau đó đã tiến hành niêm phong lại toàn bộ số ma túy trong phong bì ký hiệu K1 để gửi trưng cầu giám định. Tại bản Kết luận giám định số 05/KTHS-MT ngày 21/12/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn kết luận: *"Mẫu chất bột màu trắng trong phong bì ký hiệu K1 gửi giám định là ma túy, loại Heroine, có khối lượng là 0,10g (không phẩy một không gam)".*

Quá trình điều tra, truy tố, Nông Văn D khai nhận: Số ma túy mà Cơ quan Công an thu giữ ngày 15/12/2021 của D, do D mua về để sử dụng cho bản thân, cụ thể: Do bản thân là người nghiện ma túy nên vào khoảng 11 giờ ngày 14/12/2021, D từ thị trấn N đi nhờ xe môtô của một người đàn ông tên H (không biết họ, tên đệm, địa chỉ cụ thể, chỉ biết người ở thành phố B) xuống thành phố B, tại khu vực cổng Bệnh viện Đa khoa B, D gặp và mua được 01 (một) gói nhỏ ma túy với một người đàn ông không biết tên, tuổi, địa chỉ với số tiền 200.000đ (hai trăm nghìn đồng). Sau khi mua xong, D đi xe khách về nhà. Số ma túy mua được, D đã sử dụng một phần, phần còn lại D cất vào túi quần bên trái mặc trên người. Trưa ngày 15/12/2021, khi đang đi bộ lấy vật liệu xây dựng gần nhà họp thôn Tiểu khu M, thị trấn N, huyện N thì bị cơ quan Công an kiểm tra, do lo sợ nên D đã dùng tay trái lấy gói ma túy từ trong túi quần ra vứt cách chỗ đang đứng gần 01 mét, sau đó bị cơ quan Công an lập biên bản.

Ông Vi Hải D, sinh năm 1957 và ông Trương Văn K, sinh năm 1973, cùng trú tại Tiểu khu M, thị trấn N, huyện N, tỉnh Bắc Kạn xác nhận: Ngày 15/12/2021 bản

thân được chứng kiến việc Cơ quan Công an kiểm tra, lập biên bản về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy đối với Nông Văn D.

Tại bản cáo trạng số 09/CT-VKSNS, ngày 14 tháng 3 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố bị cáo Nông Văn D về tội: *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"* theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N giữ nguyên quan điểm truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nông Văn D phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Đề nghị xử lý bị cáo như sau:

- Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được trừ đi thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/12/2021 đến ngày 22/12/2021.

- Hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về xử lý vật chứng trong vụ án: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tịch thu tiêu hủy: Số ma túy (Heroine) hoàn trả sau giám định, phong bì niêm phong cũ, giấy gói cũ có trong các phong bì ký hiệu T05, K2, M4.

Trả lại cho bị cáo: 01 điện thoại di động bàn phím bấm; 01 ví làm bằng vải, 01 căn cước công dân, số tiền 385.000 đồng (Ba trăm tám mươi năm nghìn đồng).

- Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo có bản bào chữa nhất trí với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N về tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, về xử lý vật chứng. Đề nghị xử phạt bị cáo ở mức hình phạt thấp nhất trong khung hình phạt đối với tội tàng trữ trái phép chất ma túy. Không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn toàn bộ án phí cho bị cáo.

Bị cáo Nông Văn D khai nhận hành vi của mình đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố và nhất trí với quan điểm luận tội của Kiểm sát viên, bản bào chữa của người bào chữa; Bị cáo không có ý kiến tranh luận, bào chữa hay khiếu nại gì. Lời sau cùng bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên, người bào

chữa cho bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định của pháp luật.

[2] Về tình tiết định tội, định khung hình phạt

Tại phiên tòa, bị cáo Nông Văn D khai nhận: Do nghiện ma túy nên ngày 15/12/2021, bị cáo đã có hành vi tàng trữ trái phép 01 (một) gói nhỏ ma túy (Heroine) có khối lượng (trọng lượng) là 0,10g (không phẩy một không gam) trên người, mục đích để sử dụng cho bản thân và đã bị tổ công tác Công an huyện N, tỉnh Bắc Kạn phát hiện lập biên bản, do lo sợ bị cáo đã ném gói ma túy xuống mặt đất cách vị trí đứng 0,65m. Cơ quan Công an tiến hành thu giữ toàn bộ tang vật.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với biên bản sự việc lập hồi 12 giờ 30 phút ngày 15/12/2021; biên bản khám xét lập hồi 10 giờ 30 phút, ngày 16/12/2021; biên bản mở đóng niêm phong, cân tịnh khối lượng chất bột màu trắng nghi là Heroine và gửi mẫu giám định ngày 15/12/2021; phù hợp với Kết luận giám định số 05/KTHS-MT ngày 21/12/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn; phù hợp với các biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung đối với bị can và phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Qua tranh luận tại phiên tòa không có mâu thuẫn, không làm phát sinh tình tiết, chứng cứ mới.

Vì vậy, có đầy đủ cơ sở kết luận hành vi của Nông Văn D đã phạm vào tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"* theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Điều luật có nội dung:

1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

……..

c) Heroine..... có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;

[3] Xét về tính chất, mức độ nguy hiểm của tội phạm

Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc mua, tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật, nhưng do ý thức coi thường pháp luật, không chịu tu dưỡng đạo đức, lối sống, bị cáo đã nghiện ma túy và đã cố ý thực hiện hành vi tàng trữ trái phép 0,10g (*không phẩy một không gam*) ma túy (Heroine).

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến sự độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, gây mất trật tự trị an xã hội, tiếp tay cho các đối tượng hám lời có cơ hội lưu thông, buôn bán ma túy, là nguyên nhân làm lây lan, phát sinh nhiều tệ nạn nguy hiểm xã hội và các hành vi vi phạm pháp luật khác. Viện kiểm sát nhân dân huyện N quyết định truy tố bị cáo trước Tòa án để xét xử về tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"* theo quy định tại điểm c khoản

1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là đúng quy định của pháp luật, đúng với diễn biến khách quan của vụ án, không bỏ lọt tội phạm, không làm oan người vô tội.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo

Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự.

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân. Bị cáo có bố đẻ là ông Nông Văn K được Nhà nước tặng Huy chương kháng chiến hạng nhì. Do vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Từ những nhận định trên, căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần thiết cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo đồng thời mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Đề nghị mức hình phạt của Kiểm sát viên, người bào chữa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về hình phạt bổ sung: Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định, bị cáo là đối tượng nghiện chất ma túy, không có tài sản riêng, không có việc làm, thu nhập ổn định do đó, Hội đồng xét xử không xem xét áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng trong vụ án

Số ma túy (Heroine) hoàn lại sau khi giám định, phong bì niêm phong cũ, giấy gói cũ là vật cấm lưu hành và vật không có giá trị nên cần tịch thu tiêu huỷ.

Đối với 01 điện thoại di động bàn phím bấm, số tiền 385.000 đồng, 01 (một) ví làm bằng vải, 01 (một) căn cước công dân mang tên Nông Văn D là của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo.

[7] Các vấn đề liên quan trong vụ án

Đối với người đàn ông (không rõ họ, tên, địa chỉ cụ thể) là người bị cáo khai đã bán ma túy cho bị cáo vào ngày 14/12/2021, quá trình điều tra không xác định được nhân thân, địa chỉ cụ thể của người này. Cơ quan điều tra không đủ cơ sở làm rõ, xử lý. Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với người đàn ông tên H, không rõ họ, tên đệm, địa chỉ mà bị cáo đi nhờ xe từ nhà đến thành phố B, quá trình điều tra không xác định được nhân thân, địa chỉ cụ thể của người này, đồng thời, bị cáo xác nhận người này không biết việc bị cáo xuống thành phố B để tìm mua ma túy nên Cơ quan điều tra không đủ cơ sở làm rõ, xử lý. Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ và có đơn xin miễn án

phí. Do vậy bị cáo được miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c, khoản 1 Điều 249, Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017)

Tuyên bố bị cáo Nông Văn D phạm tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"*.

Xử phạt bị cáo 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại thụ hình, được trừ đi thời gian tạm giữ bị cáo từ ngày 15/12/2021 đến 22/12/2021.

2. Về xử lý vật chứng trong vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017), Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

2.1. Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) phong bì niêm phong mẫu vật hoàn trả và phong bì niêm phong cũ, mặt trước phong bì ghi: T05, vụ Nông Văn D (1972) Tàng trữ trái phép chất ma túy. Mặt sau phong bì có 02 (hai) dấu tròn đỏ đóng giáp lai của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn và 03 (ba) chữ ký không đọc được.

- 01 (một) phong bì niêm phong, mặt trước phong bì ghi: Giấy gói cũ, phong bì niêm phong cũ thu giữ của Nông Văn D ngày 15/12/2021, phong bì ký hiệu K2. Mặt sau có 01 (một) dòng chữ "Đồng Phú T", 01 (một) dòng chữ "Đinh Quang Tr", 01 (một) dòng chữ "Nông Văn D", 01 (một) chữ "T", 05 (năm) chữ ký không đọc được, 02 (hai) dấu tròn đỏ đóng giáp lai của cơ quan CSĐT Công an huyện N.

- Phong bì cũ có trong 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu M4. Mặt sau có 01 (một) dòng chữ "Nông Văn D", 01 (một) dòng chữ "Chu Thanh T", 03 (ba) chữ ký không đọc được và 02 (hai) dấu tròn đỏ đóng giáp lai của Cơ quan CSĐT Công an huyện N.

2.2. Trả lại cho bị cáo Nông Văn D:

- 01 (một) chiếc điện thoại di động bàn phím bấm tạm giữ của Nông Văn D ngày 15/12/2021 có trong 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu M2. Mặt sau có 01 (một) dòng chữ "Vi Hải D", 01 (một) dòng chữ "Nông Đức M", 01 (một) dòng chữ "Nông Văn D", 01 (một) dòng chữ "Trương Văn K", 05 (năm) chữ ký không đọc được và 02 (hai) dấu tròn đỏ đóng giáp lai của Công an Thị trấn N.

- 01 (một) ví làm bằng vải, 01 (một) căn cước công dân tạm giữ của Nông Văn D ngày 15/12/2021 có trong 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu M4. Mặt sau có 01 (một) dòng chữ "Nông Văn D", 01 (một) dòng chữ "Chu Thanh T", 03 (ba) chữ ký không đọc được và 02 (hai) dấu tròn đỏ đóng giáp lai của Cơ quan CSĐT Công an huyện N.

- Số tiền 385.000đ (ba trăm tám mươi năm nghìn đồng) tạm giữ của Nông Văn D ngày 15/12/2021 đã được kiểm tra có trong 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu

M5. Mặt sau có 01 (một) dòng chữ "Nông Văn D", 01 (một) dòng chữ "Chu Thanh T", 03 (ba) chữ ký không đọc được và 02 (hai) dấu tròn đỏ đóng giáp lai của Cơ quan CSĐT Công an huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

(Tình trạng, số lượng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 23/3/2022 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N và Chi cục Thi hành án dân sự huyện N).

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo được miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn mười năm ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- VKSND tỉnh;
- Công an huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Sở Tư pháp;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Hoàng Út Lệ